

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2017/DS – ST

Ngày: 12-7-2017

Về việc “Tranh chấp đòi tiền công”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Tuấn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Quy**.

2. Bà **Nguyễn Thị Thanh Thảo**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Quách Kim Lân** thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa: Ông **Vũ Xuân Trường** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2016/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2016 về “*Tranh chấp đòi tiền công*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2017/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2017/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*

Anh **Nguyễn Văn Đ** – sinh năm 1997 (Vắng mặt).

Địa chỉ: tổ N, ấp M, xã T, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

Anh **Nguyễn Văn V** – sinh ngày 30/10/1999 (Có mặt).

Địa chỉ: tổ N, ấp M, xã T, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật của anh V:

Ông **Nguyễn Đức T** sinh năm 1971 (Có mặt) và bà **Ngô Thị P** sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Địa chỉ: tổ N, ấp M, xã T, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh **Đặng Văn T** - sinh năm 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: khu dân cư A, ấp H, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện ngày 28/12/2015, 05/01/2016, 29/01/2016, 15/4/2016; biên bản ghi lời khai ngày 04/5/2017 nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Trong thời gian anh T quen chị L nên anh T anh thường xuyên đến nhà chị L chơi. Vào đầu tháng 8 năm 2014 anh T thuê anh Đ và anh V (là em trai chị L) đến cắt, tỉa, dọn cành, xịt thuốc trừ cỏ, xịt thuốc bảo vệ quýt và khi chín thì thu hoạch quýt. Hai bên thỏa thuận tiền công lao động là 150.000 đồng/ngày và thêm 10.000

đồng tiền xăng xe đi lại/ngày, khi thu hoạch quýt xong thì thanh toán tiền công, anh Đ và anh V làm công được 50 ngày x 150.000 đồng/ngày = 7.500.000 đồng và tiền xăng 50 ngày x 10.000 đồng = 500.000 đồng. Tuy nhiên đến cuối tháng 9/2014, anh T thu hoạch quýt nhưng không trả tiền công cho anh Đ và anh V.

Khi thuê anh Đ, anh V làm công, anh T chỉ thỏa thuận miệng tại nhà ông T nhưng không làm giấy tờ. Trong quá trình làm công tại rẫy anh T có những người làm công khác cùng làm như: anh Tạ Văn Út G; bà Hoàng Thị T, ông Hồng Choi S, bà Q, bà I, cha mẹ ruột của anh Đặng Văn T biết rõ Đ, V có làm công cho anh T.

Nay anh Nguyễn Văn Đ yêu cầu buộc anh Đặng Văn T phải trả cho anh Đ và anh Nguyễn Văn V số tiền công còn nợ là 7.500.000 đồng và tiền xăng xe để đi làm công là 500.000 đồng. Tổng cộng: 8.000.000 đồng.

Theo các đơn khởi kiện ngày 28/12/2015, ngày 05/01/2016, ngày 29/01/2016 và ngày 15/4/2016; bản tự khai ngày 16/02/2017; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 24/5/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn V trình bày:

Vào đầu tháng 8 năm 2014 anh T thuê anh V và anh Đ đến cắt, tỉa, dọn cành, xịt thuốc trừ cỏ, xịt thuốc bảo vệ quýt và khi chín thì thu hoạch quýt. Hai bên thỏa thuận tiền công lao động là 150.000 đồng/ngày, khi thu hoạch quýt xong thì thanh toán tiền công, anh Đ và anh V làm công được 50 ngày x 150.000 đồng/ngày = 7.500.000 đồng và tiền xăng 50 ngày x 10.000 đồng = 500.000 đồng. Tuy nhiên đến cuối tháng 9/2014, anh T thu hoạch quýt nhưng không trả tiền công cho anh Đ và anh V.

Vì anh T đang quen chị gái của anh V, anh Đ nên các bên chỉ thỏa thuận miệng không làm giấy tờ. Trong quá trình làm công tại rẫy anh T thì có những người làm công khác như: anh Tạ Văn Út G; bà Hoàng Thị T, ông Hồng Choi S, bà Q, bà I, cha mẹ ruột của anh Đặng Văn T biết rõ Đ, V có làm công cho anh T.

Nay anh Nguyễn Văn V yêu cầu buộc anh Đặng Văn T phải trả cho anh V và anh Nguyễn Văn Đ số tiền công còn nợ là 7.500.000 đồng và tiền xăng xe để đi làm công là 500.000 đồng. Tổng cộng: 8.000.000 đồng.

Theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 24/5/2017 và tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn anh Nguyễn Văn V là ông Nguyễn Đức T trình bày:

Ông T là cha ruột của anh Đ và anh V. Việc thỏa thuận thuê anh Đ, anh V làm công cho anh T là đúng sự thật như phần trình bày của anh Đ, anh V. Thời gian anh Đ, anh V cắt, tỉa, dọn cành và thu hoạch quýt tại rẫy cho anh T mặc dù không làm giấy tờ nhưng có người làm công cho anh T biết rõ sự việc. Anh T hẹn đến khi thu hoạch xong quýt sẽ thanh toán tiền công lao động và tiền xăng xe cho anh Đ và anh V là 8.000.000 đồng. Nay anh Đ và anh V yêu cầu anh Đặng Văn T phải trả số tiền công còn nợ và tiền xăng xe là 8.000.000 đồng thì ông T đồng ý và yêu cầu anh T phải trả số tiền làm công nêu trên cho anh Đ và anh V.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/02/2017 người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn anh Nguyễn Văn V là bà Ngô Thị P trình bày:

Bà P là mẹ ruột của anh Đ, anh V. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Đ và anh V kiện đòi anh T phải trả số tiền công và tiền xăng xe 8.000.000 đồng thì bà P đồng ý với yêu cầu của anh Đ, anh V và không có ý kiến gì khác.

Tại bản tự khai ngày 17/5/2017; biên bản làm việc ngày 24/5/2017; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 24/5/2017 và tại phiên tòa bị đơn anh Đặng Văn T trình bày:

Anh T thừa nhận từng quen biết và có tình cảm với chị Nguyễn Thị Kim L (là *chị gái của anh Đ, anh V*). Quá trình quen biết nhau, anh T thường đến nhà chị L chơi. Nhà chị L làm ruộng lúa nên gặp lúc mùa vụ anh thường phụ giúp gia đình chị L, ông T gặt lúa, vác lúa; ngược lại chị L cùng anh Đ, anh V cũng thường đến nhà anh T chơi. Anh Đ, anh V đến rẫy quýt của anh T chơi nhưng không phụ giúp gì cho anh T. Anh T cũng chưa bao giờ thuê mướn anh Đ và anh V cắt, tĩa, chăm sóc và thu hoạch quýt như lời trình bày của anh Đ và anh V. Vì vậy anh T không đồng ý thanh toán số tiền công và tiền xăng là 8.000.000 đồng theo như yêu cầu của anh Đ và anh V.

Ngoài ra, tại phiên tòa các đương sự không bổ sung gì thêm.

Tại phiên Tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án. Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện yêu cầu khởi kiện của anh Đ và anh V không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Đặng Văn T hiện cư trú tại xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Anh Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Văn V yêu cầu khởi kiện đòi tiền công nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Tranh chấp đòi tiền công" theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Anh Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Văn V khởi kiện anh Đặng Văn T do đó anh Đ và anh V là nguyên đơn; anh Đặng Văn T là bị đơn; anh V chưa thành niên nên ông Nguyễn Đức T và bà Ngô Thị P là người đại diện theo pháp luật của anh V theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 141 của Bộ luật dân sự năm 2005 (*do giao dịch thực hiện trước ngày 01/7/2015 nên áp dụng Bộ luật Dân sự 2005 để giải quyết theo quy định tại Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015*).

[4] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn Đ và bà Ngô Thị P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn và người đại diện theo pháp luật (bà P) theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Đường lối giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Văn V cho rằng anh Đặng Văn T có thỏa thuận miệng thuê anh Đ, anh V làm công tính ra số tiền công còn nợ là 7.500.000 đồng, tiền xăng xe để đi làm công là 500.000 đồng. Tổng cộng: 8.000.000 đồng. Bị đơn anh Đặng Văn T không thừa nhận việc thuê mượn anh Đ, anh V làm công và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Đ, anh V.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không chứng minh được giữa các bên có phát sinh giao dịch dân sự và không chứng minh được bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ dân sự theo quy định tại Điều 121, Điều 302 của Bộ luật dân sự năm 2005. Mặt khác Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự có quy định nguyên đơn phải có nghĩa vụ “*cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình*”. Theo Điều 91 của Bộ luật dân sự quy định: “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp*”. Đối với yêu cầu khởi kiện thì anh Đ, anh V thừa nhận chỉ thỏa thuận bằng miệng không có ai làm chứng và cũng không có giấy tờ chứng minh. Anh Đ và anh V không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chỉ cung cấp được thông tin những người làm công biết được sự việc thỏa thuận thuê mượn giữa các bên và yêu cầu Tòa án đi xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thông qua các biên bản xác minh ngày 26/5/2017 và ngày 31/5/2017 (BL số 199 – BL 203) thể hiện những người làm công được anh Đặng Văn T thuê thừa nhận có thấy anh Đ và anh V đến nhà anh T chơi vì trong thời gian mùa quýt, đồng thời giữa anh T và chị L (chị gái của anh Đ và anh V) có quan hệ tình cảm với nhau, mặt khác họ cũng không nghe anh T nói là có thuê anh Đ, anh V làm công như lời trình bày của nguyên đơn.

Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của anh Đ và anh V không có cơ sở. Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ và anh V kiện đòi anh Đặng Văn T phải trả tiền công và tiền xăng là 8.000.000 đồng.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $8.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 400.000 \text{ đồng}$, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng mà anh Đ và anh V đã nộp thì anh Đ và anh V phải nộp tiếp số tiền 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, chia phần mỗi người phải chịu 100.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 26, 35, 39, 68, 70, 71, 91, 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Các Điều 121, 141, 302 của Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Văn V kiện đòi anh Đặng Văn T phải trả tiền công và tiền xăng còn nợ là 8.000.000 đồng.

2/ Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 400.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng mà anh Đ và anh V đã nộp theo biên lai số 000779 ngày 03/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán. Anh Đ và anh V phải nộp tiếp số tiền 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, chia phần mỗi người phải chịu 100.000 đồng.

Ông Nguyễn Đức T, anh Nguyễn Văn V và anh Đặng Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Văn Đ, bà Ngô Thị Phượng được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐN;
- Các đương sự
- THA huyện Định Quán;
- VKS huyện Định Quán,
- Lưu.

Trần Văn Tuấn